TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trịnh Hoàng Thám

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Th, sinh năm 1992

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã KL, huyện U M, tỉnh CM (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Thanh Nh, sinh năm 1988

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã KT, huyện U M, tỉnh CM (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09 tháng 01 năm 2019 và tại phiên tòa chị Trần Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Phạm Thanh Nh tự nguyện đi đến hôn nhân vào tháng 2 năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, anh

Nh cộc cằn, gia trưởng, áp đặt, gây áp lực cho chị, từ đó dẫn đến mâu thuẫn và hay cự cải nhau, được gia đình hai bên hòa giải nhưng không kết quả và mâu tuẫn ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau, nên đã ly thân. Chị Thyêu cầu ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Có 01 cháu tên Phạm Thanh N, sinh ngày 20/01/2018, hiện do chị Th nuôi dưỡng, chị Th yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Th không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Tại phiên tòa anh Phạm Thanh Nh trình bày:*

Về hôn nhân: Năm kết hôn, có đăng ký kết hôn như trình bày của chị Th là đúng còn về mâu thuẫn vợ chồng không lớn do anh đi học dài hạn nên không có nhiều thời gian gần gũi chăm sóc vợ con, anh Nh xác định còn thương vợ, con nên xin được hàn gắn.

Về con chung: có 1 cháu như trình bày của chị Th là đúng, trường hợp Tòa án cho anh và chị Th ly hôn, anh đồng ý để cho chị Th nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung đối với anh Phạm Thanh Nh, địa chỉ ấp 1, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Phạm Thanh Nh tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2017 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị Thvà anh Nh là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị Th cho rằng anh Nh cộc cằn, gia trưởng, áp đặt, gây áp lực cho chị nên chị Th thấy không hạnh phúc và yêu cầu được ly hôn còn anh Nh cho rằng giữa anh và chị Th không có mâu thuẫn lớn, anh còn thương vợ con nên xin được hàn gắn. Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho chị Th và anh Nh đoàn tụ và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không kết quả, chị Th kiên quyết ly hôn với anh Nh, anh Nh đưa ra biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thuyết phục được chị Thoảng, chị Th kiên quyết ly hôn, không đồng ý hàn gắn. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa

chị Th với anh Nh đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Th và anh Nh ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Th yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh N, xét thấy cháu N dưới 36 tháng tuổi, chị Th cũng đảm bảo có đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu, anh Nh cũng đồng ý giao cháu N cho chị Th nuôi nếu Tòa án cho anh và chị Th ly hôn nên giao cháu N cho chị Th nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Nh có quyền thăm nom cháu N không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Th không yêu cầu nên không xem xét

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Th và anh Phạm Thanh Nh không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Trần Thị Th và anh Phạm Thanh Nh không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí:

Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004165 ngày 09/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Th với anh Phạm Thanh Nh.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh N, sinh ngày 20/01/2018 cho chị Trần Thị Th nuôi dưỡng, hiện cháu N do chị Th nuôi dưỡng, chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Phạm Thanh Nh có quyền thăm nom cháu N không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004165 ngày 09/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu.

Án xử sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- UBND xã Khánh Tiến, huyện U Minh (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
-Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Thanh Nguyễn